

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 17 - 3 - 2020

V/v Tranh chấp hui.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1956 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị D ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng L tham gia tố tụng (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/11/2019)

Cùng cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Bà Trần Thị C, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

Hiện cùng đang tạm trú: Khóm Z, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vợ chồng ông làm chủ của các dây hui cụ thể như sau:

Vào ngày 24/11/2015 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 500.000 đồng, tổng số có 36 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 01 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này đã mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 03 lần hui chết với tổng số tiền là 1.500.000 đồng.

Vào ngày 30/3/2016 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng, tổng số có 46 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 02 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này đã mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 17 lần hui chết với tổng số tiền là 34.000.000 đồng.

Vào ngày 10/4/2016 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng, tổng số có 36 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 01 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này đã mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 08 lần hui chết với tổng số tiền là 16.000.000 đồng.

Vào ngày 06/7/2016 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng, tổng số có 39 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 01 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này đã mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 14 lần hui chết với tổng số tiền là 14.000.000 đồng.

Vào ngày 26/12/2016 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng, tổng số có 36 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 01 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này đã mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 18 lần hui chết với tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

Vào ngày 26/02/2017 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng, tổng số có 31 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 01 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này đã mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 13 lần hui chết với tổng số tiền là 26.000.000 đồng.

Vào ngày 09/10/2017 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng, tổng số có 31 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 01 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này đã mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 22 lần hui chết với tổng số tiền là 44.000.000 đồng.

Vào ngày 09/10/2017 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng, tổng số có 34 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 02 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này chưa mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 25 lần hui chết với tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Vào ngày 10/10/2017 (âm lịch), vợ chồng ông mở dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng, tổng số có 38 phần. Vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C tham gia 01 phần, đã hót. Tính đến nay dây hui này chưa mãn, vợ chồng ông U và bà C còn nợ 29 lần hui chết với tổng số tiền là 29.000.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng ông Út, bà Cảnh còn nợ vợ chồng ông số tiền hui là 232.500.000 đồng. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C trả cho vợ chồng tổng số tiền hui còn nợ là 232.500.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), ông không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, ông L xác định đối với dây hui ngày 10/10/2017 (âm lịch) hui mệnh giá 1.000.000 đồng (38 phần) còn 09 lần nữa mới kết thúc (số tiền 9.000.000 đồng) và dây hui ngày 09/10/2017 (âm lịch) hui mệnh giá 2.000.000 đồng (34 phần) còn 03 lần nữa mới kết thúc (số tiền 12.000.000 đồng). Như vậy, hai dây hui này chưa kết thúc, tổng số tiền bà C và ông U còn nợ là 21.000.000 đồng ông L thống nhất đối trừ một phần so với nội dung tổng số tiền khởi kiện. Hiện tại ông L chỉ khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C trả số tiền hui còn nợ là 211.500.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Thị C trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có tham gia là hui viên do vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng L làm chủ của các dây hui như ông Lâm đã trình bày. Đối với dây hui ngày 10/10/2017 (âm lịch) hui mệnh giá 1.000.000 đồng (38 phần) còn 09 lần nữa mới kết thúc (số tiền 9.000.000 đồng) và dây hui ngày 09/10/2017 (âm lịch) hui mệnh giá 2.000.000 đồng (34 phần) còn 03 lần nữa mới kết thúc (số tiền 12.000.000 đồng). Như vậy, hai dây hui này chưa kết thúc, tổng số tiền bà C và ông U còn nợ là 21.000.000 đồng. Bà tham gia hui mục đích sử dụng tiền để lấp nợ, đóng tiền lời (lãi), đóng hui lại, nuôi heo để kiếm thêm thu nhập. Do mất cân đối về tài chính nên không còn khả năng trả nợ cho vợ chồng ông L, bà D. Bà đồng ý trả số tiền nợ hui là 211.500.000 đồng như vợ chồng ông L yêu cầu. Số tiền hui còn lại sau khi kết thúc vợ chồng bà còn phải trả là 21.000.000 đồng bà không có ý kiến.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn U vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng L, bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C trả tiền nợ hui. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc tranh chấp hui nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Thị D là nguyên đơn vắng mặt, bà Dung có ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng L tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị D.

Ông Nguyễn Văn U là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn U.

[2]. Ông Nguyễn Hoàng L cho rằng: Vợ chồng ông làm chủ hội, vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị C có mở nhiều dây hội, cụ thể là 09 dây hội như đã trình bày tại nội dung đơn khởi kiện. Tính đến thời điểm hiện tại số tiền vợ chồng ông U, bà Cảnh còn nợ vợ chồng ông là 211.500.000 đồng. Ông yêu cầu vợ chồng ông U, bà C trả lại toàn bộ số tiền này. Quá trình làm đơn khởi kiện, vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng ông U, bà C trả tổng số tiền còn nợ hội là 232.500.000 đồng. Số tiền này được bà C thừa nhận còn nợ trong quá trình điều tra qua Tờ tự nhận ngày 20/6/2019 và biên bản đối chiếu ngày 23/6/2019.

[3]. Tại phiên tòa, giữa ông L và bà C xác định đối với dây hội ngày 10/10/2017 (âm lịch) hội mệnh giá 1.000.000 đồng (38 phần) còn 09 lần nữa mới kết thúc (số tiền 9.000.000 đồng) và dây hội ngày 09/10/2017 (âm lịch) hội mệnh giá 2.000.000 đồng (34 phần) còn 03 lần nữa mới kết thúc (số tiền 12.000.000 đồng). Như vậy, hai dây hội này chưa kết thúc, tổng số tiền bà C và ông U còn nợ là 21.000.000 đồng. Ông L yêu cầu được thay đổi một phần đơn khởi kiện là ông, bà D chỉ khởi kiện tính đến thời điểm xét xử. Số tiền nợ hội tính đến thời điểm xét xử phía bị đơn còn nợ là 211.500.000 đồng. Bị đơn xác định tính đến thời điểm xét xử, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hội là 211.500.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[4]. Trước khi khởi kiện tại Tòa án, ông L, bà D có làm đơn yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông U bà C do có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Quá trình Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân kiểm tra, xác minh tố giác xét thấy hành vi của bà C, ông U không cấu thành tội phạm nên đã ra Quyết định không khởi tố vụ án. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc điều tra để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tài liệu, chứng cứ được thu thập đưa vào hồ sơ vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5]. Bà Trần Thị C cho rằng việc bà tham gia hội do bà Nguyễn Thị D làm chủ là chỉ một mình bà tham gia nhiều dây hội (08 dây), ông Nguyễn Văn U chỉ có tham gia 01 dây hội. Quá trình Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân làm việc với ông U, ông U xác định ông chỉ tham gia dây hội 2.000.000 đồng gồm 34 phần mở ngày 09/10/2017 (âm lịch) mỗi tháng khai 01 lần do bà D làm chủ. Đóng hội đến lần

thứ 05 đã bỏ hụi hốt. Sau khi hốt đóng lại được 05 lần, còn lại nợ không có khả năng thanh toán. Còn các dây hụi khác bà C tham gia ông không biết do ông thường đi biển ít khi ở nhà. Tuy nhiên việc nợ ông thừa nhận và đồng ý cùng bà C trả cho vợ chồng bà D. Đồng thời, việc bà C tham gia nhiều phần hụi được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà C và ông U, do đó ông U cùng phải có trách nhiệm cùng bà thanh toán khoản tiền nợ hụi còn nợ cho ông L, bà D là phù hợp.

[6]. Đối với diễn biến của hai dây hụi ngày 10/10/2017 (âm lịch) hụi mệnh giá 1.000.000 đồng (38 phần) còn 09 lần nữa mới kết thúc (số tiền 9.000.000 đồng) và dây hụi ngày 09/10/2017 (âm lịch) hụi mệnh giá 2.000.000 đồng (34 phần) còn 03 lần nữa mới kết thúc (số tiền 12.000.000 đồng). Như vậy, hai dây hụi này chưa kết thúc, tổng số tiền bà C và ông U còn nợ là 21.000.000 đồng. Số tiền này bị đơn là bà C thừa nhận còn nợ, nguyên đơn được quyền khởi kiện theo quy định chung.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nguyên đơn không phải chịu, nguyên đơn được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí khi bản án có hiệu lực pháp luật; bị đơn (ông Nguyễn Văn U) là người cao tuổi tuy nhiên ông U vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, ông U không có làm đơn miễn án phí do đó ông U, bà C cùng phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị C cùng chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Nguyễn Thị D số tiền hụi còn nợ là 211.500.000 đồng (hai trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị C phải chịu 10.575.000 đồng (mười triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng L cùng đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 5.813.000 đồng (năm triệu tám trăm mười ba nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0019557 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (ông Nguyễn Hoàng L là người nộp tiền). Nay được nhận lại toàn bộ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước